

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

		1D	YTD
DJIA	42,297.12	0.86%	-0.58%
S&P500	5,836.22	0.16%	-0.77%
NASDAQ	19,088.10	-0.38%	-1.15%
VIX	19.19	-1.79%	10.61%
FTSE 100	8,224.19	-0.29%	0.63%
DAX	20,132.85	-0.41%	1.12%
CAC40	7,408.64	-0.30%	0.38%
Dầu Brent (\$/thùng)	80.76	-0.19%	7.61%
Vàng (\$/ounce)	2,669.91	-0.36%	1.32%

Nasdaq giảm điểm vào thứ Hai, trong khi chỉ số S&P 500 phục hồi từ mức thấp nhất trong hai tháng và tăng nhẹ trong bối cảnh lợi suất Trái phiếu Kho bạc Mỹ duy trì ở mức cao do các nhà đầu tư hạ kỳ vọng về tốc độ cắt giảm lãi suất từ Cục Dự trữ Liên bang (Fed).

KINH TẾ VĨ MÔ

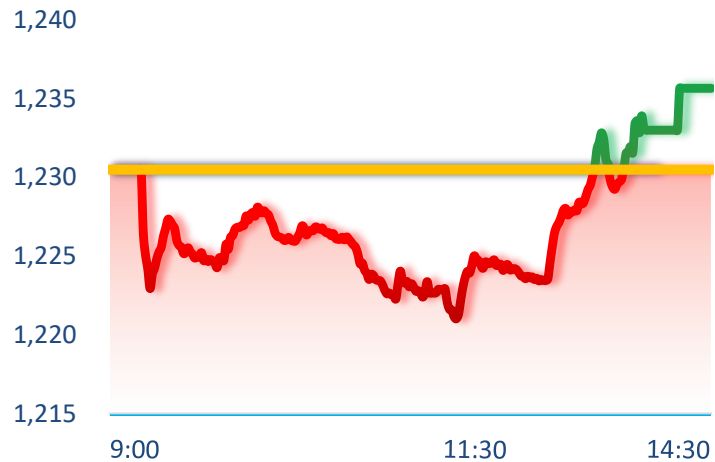
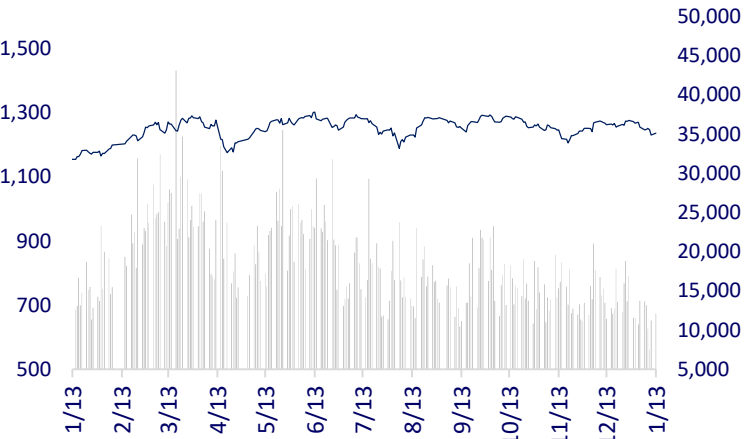
		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	4.98%	22	101
Lãi suất tiết kiệm 12T	4.60%	0	0
TPCP - 5 năm	2.44%	-2	-4
TPCP - 10 năm	2.80%	-3.6	-5
USD/VND	25,560	0.05%	0.04%
EUR/VND	26,539	-1.28%	-2.67%
CNY/VND	3,534	0.11%	-0.76%

Giá vàng giảm vào thứ Hai khi đồng USD tăng vọt lên mức cao nhất trong hơn hai năm, sau khi báo cáo việc làm mạnh mẽ vào tuần trước củng cố kỳ vọng rằng Fed sẽ thận trọng trong việc cắt giảm lãi suất trong năm nay.

TTCK VIỆT NAM

		1D	YTD
VN-INDEX	1,235.65	0.42%	-2.46%
HNX	219.62	0.06%	-3.43%
VN30	1,298.34	0.40%	-3.45%
UPCOM	92.22	0.08%	-2.99%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	-78.74		
Tổng GTGD (tỷ)	13,568.28	-25.16%	-25.16%

VNIndex phục hồi kĩ thuật sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ tại mức 1,220 điểm. Tích cực nhất trong phiên 13/1 là nhóm ngành Dầu khí và Chứng khoán. Tự doanh mua ròng 363 tỷ, chủ yếu bao gồm MWG 192 tỷ, FPT 113 tỷ, CTR 53 tỷ.

VNINDEX - INTRADAY

VNINDEX (1Y)

TIN TỨC CHỌN LỌC

Tỉnh miền Tây xuất khẩu đạt 7,5 tỷ USD, gấp gần 4 lần 1 TP thuộc Trung ương;
 Thủ tướng: Đảm bảo ít nhất 15% ngân sách Nhà nước cho phát triển khoa học và công nghệ;
 Chính phủ tháo gỡ vướng mắc để khai thác các dự án điện tái tạo trị giá hơn 13 tỷ USD;
 Nga tố cáo Ukraine tấn công hệ thống cung cấp khí đốt cho các nước NATO;
 Các nước Bắc Âu và Baltic yêu cầu EU thắt chặt giá trần đối với dầu của Nga;
 Trung Quốc đạt thặng dư thương mại kỷ lục gần 1,000 tỷ USD năm 2024.

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
LSS	14/1/2025	15/1/2025	15/4/2025	Tiền mặt		500
HVT	15/1/2025	16/1/2025		Cổ phiếu	10:15	
NSC	17/1/2025	20/1/2025	19/2/2025	Tiền mặt		2,000
SFI	3/2/2025	4/2/2025	14/02/2025	Tiền mặt		1,000
CLC	11/2/2025	12/2/2025	27/02/2025	Tiền mặt		1,000